TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T do- Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2023/HS-ST
Ngày: 13-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Hạnh

2. Ông Nguyễn Quang Huy

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vân – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 622/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 566/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1) Bùi Văn T, sinh năm 1991, tại Thái Nguyên.

Nơi thường trú: xóm C, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn C, sinh năm 1958 và bà: Dương Thị S, sinh năm 1965; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 2; vợ: La Thị H (đã ly hôn), có 01 con chung sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: 02

- Tại Bản án số 40/HSST ngày 30/5/2016 Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo thi hành xong hình phạt tù ngày 02/3/2017 và án phí ngày 01/8/2016.

-Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0003734 ngày 11/11/2022 Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 19/3; 28/6; 29/6 và 03/8 năm 2022 tại địa bàn xã SC, TPTN theo điểm a khoản 1 Điều 15 nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

2) Phạm Thanh T4, sinh năm 1992, tại Thái Nguyên

Nơi thường trú: xóm LH, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Con ông: Phạm Tiến B, sinh năm 1952 và bà: Lương Thị Dg, sinh năm

1957; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Lê Thị C, sinh năm 1993; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền sự: không;

Tiền án: 01-Tại Bản án số 49/2021/HSST ngày 05/3/2021 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy ", đã thi hành án phí ngày 26/5/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2022 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

*Bị hại:

1) Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xóm T, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

2) Ông Bùi Đức T5, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xóm A, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3) Anh Lăng Văn C, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Q, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

4) Anh Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 19/8/2004 (có mặt)

Địa chỉ: xóm ĐC, xã P, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trương Anh T1, sinh năm 1983
Nơi thường trú: xóm SC, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1976
Nơi thường trú: xóm T, xã SC, TPTN , tỉnh Thái Nguyên

3. Ông Lê Văn S, sinh năm 1951
Nơi thường trú: xóm HL, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

4. Anh Vũ Hoàng Tr, sinh năm 1991
Nơi thường trú: xóm BG, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

5. Bà Lưu Thị Dg, sinh năm 1964
Nơi thường trú: xóm CD, xã CL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

6.Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966
Nơi thường trú: xóm A, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

7. Anh Đặng Văn Tn, sinh năm 1987
Nơi thường trú: xóm LH, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

8. Ông Lại Hải Sn, sinh năm 1964
Nơi thường trú: tổ B, phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên
(Những người có quyền lợi nghĩa vụ có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Người làm chứng

1. Chị Trần Thị T2, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Trú tại xóm CS, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Nguyễn Đình Tg, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú: xóm BG, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3. Ông Nguyễn Văn Cg, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi thường trú: xóm LH, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

*Người chứng kiến: Bà Phan Thị Ph, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Trú tại: xóm ĐC, xã P, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T là đối tượng không có nghề nghiệp, ở tại một nhà hoang ở xóm Q, xã SC, TPTN và thường xuyên đi lang thang, lợi dụng sơ hở của người dân để chiếm đoạt rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày tháng 6 đến tháng 9 năm 2022 Bùi Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 09/6/2022, Bùi Văn T đi bộ xem nhà dân có tài sản sơ hở thì trộm cắp, khi T đi đến trước cửa nhà anh Lăng Văn C địa chỉ: xóm Q, xã SC, TPTN, quan sát thấy cổng nhà anh C mở, trong sân nhà có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đỏ-đen-xám, biển kiểm soát: 20N3-8416, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe không có người trông coi nên T tiến lại gần mở khóa điện xe rồi nổ máy điều khiển đi về ngôi nhà hoang cất giấu. Đến ngày 12/6/2022, T điều khiển chiếc xe mô tô đã trộm cắp được đến bán cho bà Lưu Thị Dg, địa chỉ xóm CD, xã CL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên được 800.000 đồng rồi tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc xe bà Dg đã bán lại cho người thu mua phế liệu không không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 1.500.000 đồng, chiếc xe trên hiện chưa thu hồi được chiếc xe mô tô.

Tại Bản kết luận số: 242/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhân hiệu Honda Wave S, màu đỏ-xám-đen, biển kiểm soát: 20N3-8416, số máy C43E1570103, số khung: BY 034319, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 09/6/2022, giá trị là: 6.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 01/7/2022, Bùi Văn T mang theo 01 chiếc vam phá khóa để trong túi quần, đi bộ một mình sang khu vực xóm T, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, khi đi đến gần ngã ba T quan sát thấy phía tay phải đường, cạnh đồi chè có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUPERDREAM, màu nâu, biển kiểm soát: 20H6-1833 của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959, địa chỉ xóm T, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, T tiến lại gần dùng tay phải cầm vam phá ổ khóa điện của xe, rồi nổ máy, quay xe đi về ngôi nhà hoang, đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe đi xuống thành phố Thái Nguyên. Khi đi đến khu vực đường tròn Tân Long, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên thì gặp Phạm Thanh T4 đang đứng ở bến xe buýt vẫy xin đi nhờ xe nên T chở T4 cùng đi xuống khu vực Trường Đại học Nông Lâm Thái

Nguyên sau đó cả hai cùng về. Trên đường về T4 hỏi T "Bạn đang đi xe của ai đấy?" thì T trả lời: "Xe của T", tuy nhiên sau đó T nói rõ cho T4 biết chiếc xe T điều khiển là trộm cắp được, nghe thấy T nói như vậy, T4 biết chiếc xe mô tô T đang chở T4 là xe do vừa trộm cắp nên T4 hỏi T: "Có bán xe không để tôi đưa đi?", T nhất trí sau đó, cả hai đi về ngôi nhà hoang. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T hỏi T4: "Có chỗ nào bán xe không thì dẫn T đi", T4 trả lời: "Có" sau đó T điều khiển chiếc xe mô tô đã trộm cắp chở T4 đi theo sự chỉ dẫn của T4 đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của ông Nguyễn Văn Cg địa chỉ xóm LH, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Đến nơi, T4 nói với ông Cg: "Cho cháu cắm cái xe vay 1.000.000 đồng, ba bốn hôm cháu nhổ", ông Cg đồng ý cho T4 vay 1.000.000 đồng, T4 nhận tiền và T ý giữ lại 100.000 đồng, còn đưa cho T 900.000 đồng, sau đó T4 nhờ ông Cg chở T4 và T xuống ngã ba Thống Nhất, xã Vô Tranh để T4 đi bộ về nhà, còn T bắt xe taxi đi về ngôi nhà hoang. Về đến nhà, T4 thấy chiếc xe mô tô do T trộm cắp đang cầm cố cho ông Cg vẫn còn mới và có thể cầm cố hoặc bán cho người khác với giá cao hơn nên ngày 03/7/2022 T4 tự ý mang 1.030.000 đồng đến trả cho ông Cg và lấy lại xe và điều khiển xe đến cầm cố cho anh Đặng Văn Tn, địa chỉ xóm LH, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên lấy số tiền 5.000.000 đồng, anh Tn đồng ý, T4 sử dụng số tiền trên để mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết, ngày 13/8/2022, Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe và trả lại cho bà Nguyễn Thị N.

Tại bản kết luận số 226/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Super Dream, màu nâu, biển kiểm soát: 20H6-1833, số máy HA08E, số khung: Y-540603, đã qua sử dụng, thời điểm định giá 01/07/2022, giá trị: 5.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Sáng ngày 31/7/2022, Bùi Văn T đi đến khu vực Trại giam Phú Sơn 4 thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu AMIGO màu xanh, biển kiểm soát 20H2-4999 đang dựng ở ven đường bê tông liên xã Vô Tranh - Cổ Lũng đoạn thuộc xóm Làng Đông, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên của ông Bùi Đức T5, địa chỉ xóm 7, xã SC, TPTN không có người trông coi, T sử dụng vam phá ổ khóa điện xe, nổ máy điều khiển xe đi về ngôi nhà hoang. Sau đó, T đã điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được đến cửa hàng phế liệu của bà Lưu Thị Dg để thay biển số xe gắn biển kiểm soát giả và sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện để đi lại. Ngày 06/8/2022 bị cáo điều khiển đi đến khu vực xã Sơn Cẩm thì tổ công tác thấy nghi vấn đã yêu cầu kiểm tra, quá trình kiểm tra bị cáo không xuất trình được giấy tờ xe, tổ công tác kiểm tra cốp xe còn thu giữ của T số tiền 107.000 đồng; 01 ví da màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 mũi khoan 8 đã qua sử dụng; 01 vam phá khóa bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 cờ lê bằng kim loại, dài 13,5cm, đã qua sử dụng; 01 kìm bằng kim loại, có chuôi màu cam, bị cáo thừa nhận xe do trộm cắp mà có Công an xã SC, TPTN đưa về trụ sở giải quyết.

Tại Bản kết luận số: 48/KL-HĐĐGTS ngày 29/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Phú Lương kết luận: 01 (một) xe mô tô

nhãn hiệu AMIGO, biển kiểm soát: 20H2 - 4999, màu xanh, số máy SM-002781, số khung:CH00322-003735, đã qua sử dụng, giá trị còn lại là: 2.880.000 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Vụ thứ tư: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 07/8/2022, Bùi Văn T đi bộ đến khu vực xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp tài sản, khi đi đến nhà anh Kiều Duy Đ, trú tại xóm 8, xã SC, TPTN thấy phía trước cửa nhà có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển kiểm soát: 20E1–408.99 sau xác định của anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 2004, trú tại xóm ĐC, xã P, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, đến nhà anh Đ chơi không có người trông coi. T tiến lại gần dắt xe đi ra khỏi nhà anh Đ đến lưng chừng dốc, T dừng xe tháo mặt nạ phía trước xe, đấu dây điện rồi nổ máy xe đi về ngôi nhà hoang cất giấu. Đến khoảng 09 giờ 50 phút ngày 12/8/2022, T điều khiển chiếc xe trên đi trên đường Quốc 3 đoạn thuộc địa phận xóm 8, xã SC, TPTN thì bị tổ công tác của Công an xã SC, TPTN phát hiện thu giữ chiếc xe, sau đó đưa T cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận số: 245/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, biển kiểm soát: 20E1- 408.99, số máy JA39E2363247, số khung RLHJA 3923MY24462, đã qua sử dụng, thời điểm định giá 07/8/2022, giá trị là: 14.952.000 đồng.

Bản cáo trạng số 630/CT-VKSTPTN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Phạm Thanh T4 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Phạm Thanh T4 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 24-30 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 38 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh T4 từ 12-15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự. Áp dụng khoản 1 Điều 584,Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589, Điều 357 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường giá trị xe mô tô BKS 20N3-8416 cho anh Lăng Văn C là 6.000.000 đồng; Truy thu sung quỹ nhà nước của Bùi Văn T số tiền 900.000 đồng; của Phạm Thanh T4 số tiền 4.070.000 đồng do phạm tội mà có;

Vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ của Bùi Văn T 107.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy: 01 ví da màu đen không rõ nhãn hiệu đã qua sử dụng hiện đã cũ không còn giá trị sử dụng; mũi khoan, vam phá khóa, cờ lê, kìm bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật; Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, tại lời nói sau cùng bị cáo mong hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuy nhiên đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày tháng 6 đến tháng 8 năm 2022 Bùi Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Thái Nguyên với tổng trị giá là 28.832.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng), cụ thể như sau:

Lần 1: khoảng 18 giờ ngày 09/6/2022, tại xóm Q, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, Bùi Văn T có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đỏ-đen-xám, biển kiểm soát 20N3-8416, đã qua sử dụng của anh Lăng Văn C, giá trị của tài sản là: 6.000.000 đồng, chiếc xe hiện chưa thu hồi được.

Lần 2: khoảng 05 giờ ngày 01/7/2022 tại xóm T, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, Bùi Văn T có hành vi trộm cắp 01 mô tô nhãn hiệu Superdream, màu

nâu, biển kiểm soát: 20H6-1833 của bà Nguyễn Thị N, giá trị của tài sản là: 5.000.000 đồng, hiện xe đã thu hồi trả bị hại.

Lần 3: sáng ngày 31/7/2022, tại khu vực xóm Làng Đông, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Bùi Văn T có hành vi trộm cắp 01 (một) xe môtô nhãn hiệu AMIGO màu xanh, biển kiểm soát: 20H2 - 4999, đã qua sử dụng, của ông Bùi Đức T5, giá trị tài sản là: 2.880.000 đồng, hiện xe đã thu hồi trả bị hại.

Lần 4: khoảng 01 giờ 00 phút ngày 07/8/2022, tại khu vực xóm 8, xã SC, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, Bùi Văn T có hành vi trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, biển kiểm soát 20E1- 408.99 của anh Nguyễn Ngọc Th, giá trị tài sản là: 14.952.000 đồng, xe đã thu hồi trả bị hại.

Sau khi trộm cắp được xe mô tô của bà Nguyễn Thị N, bị cáo Phạm Thanh T4 đưa Bùi Văn Tự mang xe đến cửa hàng sửa xe của anh Nguyễn Văn Cg để thế chấp lấy 1.000.000 đồng, vài ngày sau T4 biết xe T trộm cắp còn mới lên mang tiền đến trả anh Cg lấy xe máy mang đến nhà anh Đặng Văn Tn thế chấp lấy 5.000.000 đồng, sau đó T4 tiêu sài cá nhân hết.

[3] Với hành vi với hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản 28.832.000 đồng, hành vi của bị cáo Bùi Văn T phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Với hành vi biết rõ tài sản do trộm cắp mà có bị cáo Phạm Thanh T4 vẫn mang tài sản đi tiêu thụ với mục đích để kiếm lời, do đó hành vi của bị cáo T4 đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo T xâm phạm tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo T4 xâm phạm đến trật T quản lý nhà nước, hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an địa phương và xã hội vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần do đó phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo T4 phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét các bị cáo có nhân thân xấu: là đối tượng nghiện ma túy đều bị đi thi hành án về hành vi phạm tội khác nhau tuy nhiên sau khi cải tạo không lấy đó làm bài học, mà

tiếp tục lao vào con đường phạm tội, do đó cần phải xét xử nghiêm khắc buộc phải cách ly xã hội đối với các bị cáo một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*, do đó các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Xét các bị cáo đều là đối tượng nghiện, không có nghề nghiệp ổn định, không có đủ điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Ngoài thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản bị truy tố, xét xử, bị cáo Bùi Văn T còn thực hiện một số vụ trộm cắp khác trong đó có 03 vụ trộm cắp hàng rào lưới B40 cụ thể: ngày 20/3/2022 lấy trộm nhà ông Lê Văn S tài sản qua định giá có trị giá 600.000 đồng; ngày 28/6/2022 lấy trộm của nhà anh Trương Anh T1 tài sản qua định giá giá trị là 450.000 đồng; ngày 03/8/2022 bị cáo lấy trộm của nhà anh Vũ Hoàng Tr tài sản qua định giá giá trị là 450.000 đồng và ngày 29/6/2022 thực hiện trộm xe máy SYM biển kiểm soát 20F9-2438 của anh Nguyễn Huy H tài sản qua định giá 800.000 đồng cùng một số tài sản khác của anh Hòa cơ quan định giá từ chối giám định. Các hành vi trộm cắp này không đủ cấu thành tội phạm, ngày 11/11/2022 Công an thành phố Thái Nguyên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Văn T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]Trách nhiệm dân sự:

[8.1] Đối với tài sản bị cáo T trộm cắp của bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Đức T5, anh Nguyễn Ngọc Th đến nay đã thu hồi trả lại cho người bị hại quản lý sử dụng những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường và đối với giá trị tài sản của anh Trương Anh T1, ông Lê Văn S, anh Vũ Hoàng Tr, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định giá trị tài sản không lớn không yêu cầu bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[8.2] Đối với tài sản bị cáo T trộm cắp của anh Lăng Văn C, anh Nguyễn Huy H hiện nay chưa thu hồi được anh C, anh H yêu cầu bị cáo bồi thường do đó buộc bị cáo Tự bồi thường cho anh Lăng Văn C giá trị tài sản chưa thu hồi được là 6.000.000 đồng và anh Nguyễn Huy H 800.000 đồng.

[8.3] Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo T4 thế chấp xe mô tô 20H6-1833 cho anh Đặng Văn Tn, chiếc xe mô tô đã trả cho bị hại tuy nhiên anh Tn người có quyền nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự.

[9] Xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với 01 ví da màu đen không rõ nhãn hiệu đã qua sử dụng hiện đã cũ không còn giá trị sử dụng; đối với mũi khoan, vam phá khóa, cờ lê, kìm bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[9.2] Đối với số tiền 107.000 đồng thu của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9.3] Đối với xe mô tô thu giữ của bị cáo gắn biển kiểm soát 20B1-009.95 quá trình điều tra xác định xe có biển số 20H2-4999 của ông Bùi Văn T5, sau khi trộm xe bị cáo đã vứt biển số và gắn biển số khác và xe 20E1-409.99 thu giữ của bị cáo xác định của anh Nguyễn Ngọc Th quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả cho ông Tính, anh Thắng quản lý, sử dụng, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9.4] Các bị cáo thế chấp xe mô tô cho ông Cg và anh Tn lấy tiền, đến nay xe thu hồi trả bị hại anh Tn không yêu cầu bồi thường, xác định đây là tiền thu lời bất chính, nên truy thu sung ngân sách nhà nước, cụ thể số tiền 1.000.000 đồng nhận của ông Nguyễn Văn Cg truy thu của bị cáo T số tiền 900.000 đồng; bị cáo Tuấn 100.000 đồng, số tiền bị cáo T4 thế chấp nhà anh Đặng Văn Tn là 5.000.000 đồng, tuy nhiên bị cáo Phạm Thanh T4 đã trả số tiền 1.030.000 đồng đến chuộc xe nhà ông Cg, do đó truy thu của bị cáo T4 tổng số tiền thu lời bất chính là 4.070.000 đồng.

[10] Đối với bà Lưu Thị Dg, anh Nguyễn Văn Đ, ông Lại Hải Sn là những người đã mua tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có và ông Nguyễn Văn Cg, anh Đặng Văn Tn là người nhận thế chấp xe mô tô AMIGO BKS 20H2-4999 đưa tiền cho bị cáo T4, qua điều tra xác định những người trên không biết tài sản đó là do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Phạm Thanh T4 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[2] Về hình phạt:

[2.1]Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bùi Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2022.

[2.2] Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 Xử phạt: Phạm Thanh T4 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2022.

Quyết định tạm giam các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Thanh T4 mỗi bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án

[3] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường cho anh Lăng Văn C số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Huy H số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án T nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5.1] Tạm giữ số tiền 107.000 đồng (Một trăm linh bẩy nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Bùi Văn T;

[5.2] Truy thu của bị cáo Bùi Văn T 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) và của Phạm Thanh T4uấn 4.070.000 đồng (Bốn triệu không trăm bẩy mươi nghìn đồng) tiền thu lời bất chính sung ngân sách nhà nước.

[5.3] Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) ví da màu đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 (một) mũi khoan 8, dài khoảng 08cm, đã qua sử dụng; 01 (một) vam phá khóa bằng kim loại, một đầu tròn, một đầu nhọn, dài 10cm, đã qua sử dụng; (một) cờ lê bằng kim loại, dài 13,5 cm, đã qua sử dụng; 01 (một) kìm bằng kim loại, có chuôi màu cam, dài 20cm, đã qua sử dụng.

(Hiện vật chứng nêu trên đang lưu giữ tại kho của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao nhận số 220 lập ngày 10/01/2023 và Ủy nhiệm chi số 2 lập tháng 01 năm 2023).

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước. Bị cáo Phạm Thanh T4 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các Bị cáo Bùi Văn T, Phạm Thanh T4, người bị hại anh Nguyễn Ngọc Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Trại tạm giam công an tỉnh TN;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; người BH; người có QLNVLQ;
- Lưu HS,VP.